

Thông tin chung biểu mẫu		Thay đổi thông tin cột C để điền thông tin vào các biểu mẫu
Đơn vị báo cáo		Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý thi hành án dân sự
Lãnh đạo	Họ tên người ký	Trần Công Hường
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày tháng năm 2025
	Chức danh	TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Người lập biểu	Họ tên người lập biểu	Lê Thị Kim Sinh
	Ngày ký	Lai Châu, Ngày tháng năm 2025

Lưu ý: Biểu 4 đến biểu 12 có thể thêm dòng nhưng không thêm được cột để đảm bảo cấu trúc của biểu mẫu; Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu. Ô gạch chéo là không thực hiện thống kê

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
02 tháng năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: Thi hành án dân sự tỉnh
Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý thi hành án
dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA			Trường hợp khác
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:											
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng số	121,412,631	100,600,097	20,812,534	700	-	121,411,931	57,090,223	5,489,796	5,035,097	454,699	-	51,600,427	-	63,270,321	1,051,386	1	-	115,922,135	9.62%	
I	Phòng Nghiệp vụ	74,919,206	64,144,586	10,774,620	-	-	74,919,206	24,340,725	3,924,519	3,834,828	89,691	-	20,416,206	-	50,578,481	-	-	-	70,994,687	16.12%	
1	Trần Công Hường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Phạm Văn Hiến	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Nguyễn Văn Phòng	7,478,057	7,478,057	-	-	-	7,478,057	7,453,057	1,002,009	967,009	35,000	-	6,451,048	-	25,000	-	-	-	6,476,048	13.44%	
4	Hà Thị Thu Hiền	17,546,185	13,522,418	4,023,767	-	-	17,546,185	12,888,309	1,011,422	1,011,422	-	-	11,876,887	-	4,657,876	-	-	-	16,534,763	7.85%	
5	Nguyễn Khuông Thương	8,901,616	2,549,741	6,351,875	-	-	8,901,616	3,589,181	1,549,911	1,495,220	54,691	-	2,039,270	-	5,312,435	-	-	-	7,351,705	43.18%	
6	Đỗ Quốc Khánh	40,925,867	40,594,370	331,497	-	-	40,925,867	342,697	293,696	293,696	-	-	49,001	-	40,583,170	-	-	-	40,632,171	85.70%	
7	Vũ Quốc Hùng	67,481	-	67,481	-	-	67,481	67,481	67,481	67,481	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%	
II	Các Khu vực	46,493,425	36,455,511	10,037,914	700	-	46,492,725	32,749,498	1,565,277	1,200,269	365,008	-	31,184,221	-	12,691,840	1,051,386	1	-	44,927,448	4.78%	
1	Phòng THADS khu vực 1	22,436,087	20,406,437	2,029,650	-	-	22,436,087	14,720,704	1,116,888	760,613	356,275	-	13,603,816	-	6,663,997	1,051,386	-	-	21,319,199	7.59%	
1.1	CHV Trần Văn Dũng	541,952	470,095	71,857			541,952	279,351	58,836	58,836	-	-	220,515		262,601	-			483,116	21.06%	
1.2	CHV Bùi Ngọc Linh	13,794,027	12,649,339	1,144,688			13,794,027	9,931,788	579,814	223,539	356,275	-	9,351,974		3,862,239				13,214,213	5.84%	
1.3	CHV Bùi Quốc Tuấn	8,100,108	7,287,003	813,105			8,100,108	4,509,565	478,238	478,238	-	-	4,031,327		2,539,157	1,051,386			7,621,870	10.60%	
2	Phòng THADS khu vực 2	16,185,751	10,635,435	5,550,316	700	-	16,185,051	13,897,660	193,261	193,261	-	-	13,704,399	-	2,287,390	-	1	-	15,991,790	1.39%	
2.1	CHV Nguyễn Văn Tuấn	6,860,539	2,115,232	4,745,307	700	-	6,859,839	6,401,839	24,470	24,470	-	-	6,377,369	-	458,000	-	-	-	6,835,369	0.38%	
2.2	CHV Lý Ngọc Hiếu	3,224,366	3,106,305	118,061	-	-	3,224,366	1,544,432	59,001	59,001	-	-	1,485,431	-	1,679,934	-	-	-	3,165,365	3.82%	
2.3	CHV Đỗ Khắc Tùng	6,100,846	5,413,898	686,948	-	-	6,100,846	5,951,389	109,790	109,790	-	-	5,841,599	-	149,456	-	1	-	5,991,056	1.84%	
3	phòng THADS khu vực 3	4,517,036	2,314,185	2,202,851	-	-	4,517,036	2,924,622	140,928	132,195	8,733	-	2,783,694	-	1,592,414	-	-	-	4,376,108	4.82%	

3.1	CHV Phan Đình Lâm	1,662,922	1,457,522	205,400			1,662,922	229,308	28,808	20,075	8,733		200,500		1,433,614				1,634,114	12.56%
3.2	CHV Trần Văn Tùng	1,709,156	853,298	855,858			1,709,156	1,550,356	88,819	88,819			1,461,537		158,800				1,620,337	5.73%
3.3	CHV Lê Bá Linh	1,144,958	3,365	1,141,593			1,144,958	1,144,958	23,301	23,301			1,121,657						1,121,657	2.04%
4	phòng THADS khu vực 4	3,354,551	3,099,454	255,097	-	-	3,354,551	1,206,512	114,200	114,200	-	-	1,092,312	-	2,148,039	-	-	-	3,240,351	9.47%
4.1	CHV Đào Văn Minh	1,512,655	1,504,955	7,700			1,512,655	143,450	3,000	3,000			140,450		1,369,205				1,509,655	2.09%
4.2	CHV Chu Gó Xê	106,392	92,842	13,550			106,392	53,500	16,500	16,500			37,000		52,892				89,892	30.84%
4.3	CHV Nguyễn Nam Cường	1,735,504	1,501,657	233,847			1,735,504	1,009,562	94,700	94,700			914,862		725,942				1,640,804	9.38%

Lai Châu, Ngày tháng năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Công Hường